TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16/10/2019
V/v: Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ÔngHà Văn Vinh
Các hội thẩm nhân dân:*1- Ông Nguyễn Xuân Hoàng*
2- Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoan- thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - KSV

Ngày 25/9/2019 và ngày 16/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn; Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1965 có mặt ngày 25/9/2019 có mặt ngày 25/9/2019có đơn xin vắng mặt ngày 16/10/2019

Địa chỉ thôn D H, xã Đ T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Chị Ngô Thị P sinh năm1974 có mặt
HKTT thôn D H, xã Đ T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang
Địa chỉ: thôn A T, xã Đ T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2019 và được Tòa án nhận đơn ngày 30/5/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Đức D trình bày: Anh và chị Phương kết hôn với nhau ngày 20 tháng 5 năm 1994 có tìm hiểu thỏa thuận có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về gia đình anh làm dâu ngay và ở chung với gia đình, tình cảm vợ chồng bình thường hạnh phúc cho đến năm 2006 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Năm 2018 anh đã làm đơn xin ly hôn tòa án đã giải quyết nhưng do hòa giải cho nên anh lại có đơn xin rút đơn xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ và tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi rút đơn vợ chồng lại chung sống được khoảng 3 tháng thì vợ chồng lại mâu thuẫn nên chị đã bỏ đi. Từ khi chị bỏ đi cho đến nay anh đã gọi chị về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị không về nayanh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và đề nghị được ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như bản tự khai tại Tòa án chị P trình bày; chị và anh Dkết hôn với nhau có đăng ký kết hôn và chung sống như anh trình bầy nhưng vợ chồng mâu thuẫn với nhau từ năm 2008 do anh D ở quân đội cho nên về nhà là chửi vợ con năm 2016 chị đã về mẹ đẻ sinh sống 3 tháng sau đó anh gọi chị lại về vợ chồng chung sống. Đến năm 2017 anh D nghỉ hưu tình cảm vợ chồng không cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng căng thẳng anh D đã đánh chị nhiều lần có lần phải đi viện điều trị cho nên chị đã phải đi thuê nhà ở, sau đó anh D lại gọi chị về vợ chồng lại chung sống. Đầu năm 2017 anh D có đơn xin ly hôn sau đó anh D lại gọi chị về vợ chồng lại đoàn tụ cho nên anh D đã rút đơn xin ly hôn.Vợ chồng đoàn tụ được 2 tháng sau đó lại cãi chửi nhau cho nên chị lại phải đi ở nhờ và anh D có đơn xin ly hôn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì các con cho nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung; cả hai bên đều xác định vợ chồng có hai con chung Nguyễn Phương D sinh 07/6/1997 hiện đã trưởng thành không yêu cầu còn Nguyễn Đức L sinh 16/2/2004 hiện đang ở với chị ly hôn cả hai bên đều yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con. Tại phiên cả hai bên đều đề nghị để chị nuôi Nguyễn Đức L sinh 16/2/2004và chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ anh D đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ một tháng.

Về tài sản; anh D và chị P đều đề nghị tự giải quyết không yêu cầu Tòa án quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa phát biểu; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp luật và đề nghị; Chấp nhận yêu cầu của anh D. Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đức D.

Anh Nguyễn Đức Dđược ly hôn chịNgô Thị P. Giao chịNgô Thị P trực tiếp nuôi Nguyễn Đức L sinh 16/2/2004anh Nguyễn Đức D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ Anh D được quyền đi lại thăm nom

*Về án phí: Anh D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ áp phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng; Anh D và chị P kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh D có đơn xin ly hôn chị P đề ngày 19/5/2019 và được Tòa án nhận đơn ngày 30/5/2019,như vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa anh D và chị P là tranh chấp " Hôn nhân và gia đình" theo quy đinh tại điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.Anh D vắng mặt tại phiên tòa ngày 16/10/2019 nhưng anh đã có đơn xin vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của anh D thấy rằng qua các chứng cứ do các bên xuất trình lời khai người làm chứng được biết, vợ chồng anh D chị P kết hôn với nhau và đã có thời gian dài sống hạnh phúc nhưng tình cảm nợ chồng không duy

trì và phát triển được nên đã xẩy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc chị cho rằng anh hay rượu chè về đánh đập vợ con, anh cho rằng chị không quan tâm đến gia đình từ những năm 2006 vợ chồng hay đánh cãi nhau nhất là từ khi anh Nghỉ hưu. Chị đã đi ở nhờ nhiều lần, anh cũng đã có đơn xin ly hôn nhiều lần nhưng hòa giải vợ chồng lại đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm từ năm 2018 cho đến nay, không bên nào quan tâm đến bên nào. Chị P cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và anhP đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho anh D được ly hôn chị P là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của anh D cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu về nuôi con của hai bên thấy rằng vợ chồng anh D, chị P có 02 con chung Nguyễn Phương D đã đủ 18 tuổi Nguyễn Đức L sinh 16/2/2004hiện đang ở với chị cháu vẫn phát triển bình thườnghơn nữa L lại có nguyện vọng được ở với chị. Anh D cũng đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ xét thấy cần giao Nguyễn Đức L sinh 16/2/2004cho chị P nuôi là phù hợp với điều 58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình anh D được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này cho nên yêu cầu được nuôi con của chị P cần được chấp nhận.

Xét chị P yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng thấy rằng anh D hiện đã nghỉ hưu lương 10.000.000đ /tháng nhưng phải chi tiêu gia đình và chu cấp cho D hơn nữa anh lại không có thu nhập nào khác và anh cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho một suất một tháng. Vì vậy chỉ có đủ căn cứ buộc anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị P mỗi tháng 1.500.000đ tính từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu.

[4]Vê tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, ruộng đất: hai bên đều xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí trợ cấp nuôi contheo quy định.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của các đương sự cũng như đề nghị áp dụng các điều luật, đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với pháp luật cần chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào các Điều 51, 56, điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anhNguyễn Đức D.

*Về hôn nhân: anhNguyễn Đức D.được ly hôn chị Ngô Thị P.

* Về con chung: Giao chị Ngô Thị P.trực tiếp nuôi Nguyễn Đức L sinh 16/2/2004 anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị P mỗi tháng 1.500.000đ

tính từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu. anh D được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

*Về án phí: AnhNguyễn Đức D.phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/ 0000168 ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà. anh Dcòn phải nộp 300.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng Người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian phải thi hành án. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- THADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Đức Thắng, h Hiệp Hòa;
- Đương sự
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Văn Vinh